TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-02-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và Lê Hữu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị X, năm sinh 1981
Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị Trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.
- *Bị đơn:* Anh Lê Văn K, sinh năm 1981
Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị Trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá .
Tại phiên tòa, chị X có mặt, anh K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2023, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Thị X trình bày: Chị và anh Lê Văn K đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/2005 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 11/2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K ham chơi, ngoại tình và đánh đập chị nhiều lần. Cuộc sống vợ chồng hết sức căng thẳng, anh K bỏ nhà đi một thời gian dài, không chu cấp tiền nuôi con. Đến cuối năm 2011, anh K quay về, chị tha thứ cho anh để con có bố. Năm 2012, anh K có làm việc tại gia đình nhưng anh vẫn không thay đổi tính nết, vẫn cặp bồ, chơi bời, không có chí hướng làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, con cái. Năm 2017, chị bắt được anh K gọi điện, nhắn tin cho gái dẫn đến vợ chồng cãi nhau, anh K đánh chị phải đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn. Từ năm 2022 đến nay, anh K ít khi về

nhà. Vợ chồng ly thân, việc ai người đó làm, không hỏi han, chia sẻ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị phải lo toan, gánh vác mọi việc trong gia đình.

Anh K mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh K không nhận thấy cái sai để sửa chữa nên vẫn không thay đổi tính nết. Gia đình đã giàn xếp, hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ được do không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng. Chị xét thấy nếu phải tiếp tục sống chung với anh K thì chị sẽ bị trầm cảm, ốm đau, ảnh hưởng đến sức khỏe. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Lê Thị Diễm Q sinh ngày 14/4/2006 và cháu Lê Vũ Khánh L sinh ngày 23/5/2009. Hai cháu đều đang ở với chị. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị đang làm việc tại Trung tâm thể dục, thể thao Vũ Gia thu nhập bình quân 15.000.000đ/tháng, chị có nhà, sức khỏe tốt, có đủ điều kiện nuôi con nên chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Chị không đồng ý giao con cho anh K nuôi dưỡng vì anh K không có công việc, không có thu nhập ổn định, không quan tâm, chăm sóc con cái, thường xuyên vắng nhà nên anh K không thể chăm sóc, nuôi dưỡng các con tốt được.

Về tài sản và công nợ chung: Chị X không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản và nợ chung.

2. Tại Bản tự khai ngày 24/ 11/2023 và các văn bản tố tụng, bị đơn là anh Lê Văn K trình bày và đề nghị: Anh và chị Vũ Thị X đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 22/11/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt. Anh vẫn còn tình cảm với chị X, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị X xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Lê Thị Diễm Q sinh ngày 14/4/2006 và Lê Vũ Khánh L sinh ngày 23/5/2009. Hiện nay, các cháu đang ở cùng bố mẹ. Các cháu khỏe mạnh, ngoan ngoãn, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ và cùng nhau nuôi dạy các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Biên bản xác minh ngày 11/12/2023, đại diện chính quyền UBND xã thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn cung cấp: Chị Vũ Thị X và anh Lê Văn K đăng ký kết hôn ngày ngày 22/11/2005. Nguyên nhân vợ chồng chị X, anh K mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xảy ra cải vã và sống ly thân. Chị X và anh K có 02 con chung là cháu Lê Thị Diễm Q sinh ngày 14/4/2006 và cháu Lê Vũ Khánh L sinh ngày 23/5/2009, các cháu đang ở với chị X. Chị X và anh K đều có sức khỏe, có khả năng lao động để tạo ra thu nhập, có điều kiện nuôi con.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, vắng mặt tại phiên hòa giải, phiên tòa không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51,56,81,82,83 LHNGĐ: Xử cho chị Vũ Thị X được ly hôn anh Lê Văn K. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị X: Giao cả hai cháu Lê Thị Diễm Q sinh ngày 14/4/2006 và Lê Vũ Khánh L sinh ngày 23/5/2009 cho chị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản và công nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xét. Chị X phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Chị X khởi kiện xin ly hôn anh K đang sinh sống tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, đồng thời anh K có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1Điều 39 BLTTDS.

[1.2]. Về phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Anh K vắng mặt tại phiên hòa giải không có lý do. Tại phiên tòa lần thứ nhất, anh K vắng mặt, HĐXX phải ra quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa mở lại lần thứ hai, anh Kết tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị X và anh Lê Văn K đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 22/11/2005 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần xảy ra cải vã, xô xát. Vợ chồng không còn yêu thương, chia sẻ, quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo.

Tại phiên tòa, chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn và tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh K mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, vợ chồng vẫn sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn xử cho chị Vũ Thị X được ly hôn anh Lê Văn K.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Diễm Q sinh ngày 14/4/2006 và cháu Lê Vũ Khánh L sinh ngày 23/5/2009.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của chị X và anh K: Anh K không có nguyện vọng nuôi con cụ thể mà mong muốn vợ chồng cùng nhau nuôi các con. Quá trình giải quyết vụ án, anh K không chứng minh được thu nhập và các điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định điều kiện nuôi con của anh K.

Chị Xuân có nguyện vọng nuôi cả hai con. Xét chị X có sức khỏe, có nơi ở và thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi con. Hiện nay, các cháu đang ở cùng chị X. Các cháu đều là nữ giới, đang ở độ tuổi dạy thì, rất cần được mẹ quan tâm, hướng dẫn về giới tính, tâm sinh lý. Hơn nữa, các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của nguyên đơn, giao cả hai cháu Lê Thị Diễm Q sinh ngày 14/4/2006 và Lê Vũ Khánh L sinh ngày 23/5/2009 cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị X không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên anh Kết không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình nuôi dưỡng, trường hợp chị Xuân không còn đủ điều kiện nuôi con, thì anh K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị X được ly hôn anh Lê Văn K.

2. Về con chung: Chị X và anh K có 02 con chung: Cháu Lê Thị Diễm Qsinh ngày 14/4/2006 và cháu Lê Vũ Khánh L sinh ngày 23/5/2009.

Giao cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Diễm Q và cháu Khánh L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị X phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2023/0002670 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị X'; đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
-VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND TT Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi... giờ... phút, ngày 30 tháng 01 năm 2023
Tại: Tru sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và ông Nguyễn Mạnh Hùng
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 254/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp con chung về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị X, năm sinh 1981
Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Dân, thị Trấn Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá
- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Kết, sinh năm 1985
Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Dân, thị Trấn Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật[8].

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU[9]

1. Về điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 227, 233 và 235 BLTTDS

2. Hoãn phiên tòa xét xử vụ án dân sự thụ lý số 254/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp con chung, lý do: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Thảo luận kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 01 năm 2024
Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Long **Nguyễn Mạnh Hùng** **Lê Thị Thu**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ... phút, ngày 29 tháng 02 năm 2024
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và ông Lê Hữu Thủy
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 266/2024/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị X, năm sinh 1981
Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Dân, thị Trấn Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá
- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Kết, sinh năm 1985
Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Dân, thị Trấn Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật[8].

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU[9]

1. Về điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Xuân được ly hôn anh Lê Văn Kết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về con chung: Chị Xuân và anh Kết có 02 con chung: Cháu Lê Thị Diễm Quỳnh sinh ngày 14/4/2006 và cháu Lê Vũ Khánh Ly sinh ngày 23/5/2009.

Giao cho chị Xuân trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Diễm Quỳnh và cháu Khánh Ly cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Kết có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Về án phí: Chị Xuân phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số:

AA/2023/0002670 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị Xuân đã nộp đủ án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Long **Lê Hữu Thủy** **Lê Thị Thu**